

Số: 20 /2017/QĐ-UBND

Ninh Thuận, ngày 14 tháng 3 năm 2017

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy định phân cấp quản lý an toàn thực phẩm thuộc lĩnh vực của ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;*

*Căn cứ Luật An toàn thực phẩm ngày 17/6/2010;*

*Căn cứ Nghị định số 38/2012/NĐ-CP ngày 25/4/2012 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm;*

*Căn cứ Nghị định số 09/2016/NĐ-CP ngày 28/01/2016 của Chính phủ về việc quy định về tăng cường vi chất dinh dưỡng vào thực phẩm;*

*Căn cứ Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT-BCT ngày 09/4/2014 của Bộ Y tế-Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn-Bộ Công thương về việc hướng dẫn việc phân công phối hợp trong quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm;*

*Căn cứ Thông tư số 45/2014/TT-BNNPTNT ngày 03/12/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc Quy định việc kiểm tra cơ sở sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp và kiểm tra chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm;*

*Căn cứ Thông tư số 51/2014/TT-BNNPTNT ngày 27/12/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc Quy định điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm và phương thức quản lý đối với các cơ sở sản xuất ban đầu nhỏ lẻ;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 23/TTr-SNNPTNT ngày 13/02/2017.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định phân cấp quản lý an toàn thực phẩm thuộc lĩnh vực của ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận, gồm: 3 Chương, 8 Điều.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 21 tháng 3 năm 2017 và bãi bỏ Quyết định 308/QĐ-UBND ngày 21/7/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận về việc Quy định cơ quan kiểm tra cơ sở sản xuất, kinh doanh vật tư

nông nghiệp và kiểm tra, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy đủ điều kiện an toàn thực phẩm; quản lý các cơ sở sản xuất ban đầu nhỏ lẻ trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các Ban, Ngành thuộc tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: *h*

- Như Điều 2;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: NN&PTNT, Y tế, Công Thương;
- Cục Kiểm tra VBQPPL-Bộ Tư pháp;;
- Vụ Pháp chế (Bộ NN&PTNT);
- Thường trực Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó chủ tịch UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Ninh Thuận;
- Thường trực HĐND các huyện, thành phố;
- VPUB: LĐ, Khối NC-TH;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Lưu: VT. QMT

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH



*[Handwritten Signature]*  
Lưu Xuân Vĩnh

## QUY ĐỊNH

**Phân cấp quản lý an toàn thực phẩm thuộc lĩnh vực của ngành  
Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số 20./2017/QĐ-UBND ngày 14/3/2017  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận)

### Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

#### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này phân cấp quản lý về an toàn thực phẩm (ATTP) đối với các sản phẩm và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

#### Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các cơ quan quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm và các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản thuộc phạm vi quản lý của ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

### Chương II PHÂN CẤP QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM

#### Điều 3. Nguyên tắc phân cấp quản lý

1. Đảm bảo sự thống nhất trong công tác quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm từ tỉnh đến huyện, thành phố và xã, phường, thị trấn; đảm bảo nguyên tắc một sản phẩm, một cơ sở sản xuất kinh doanh chỉ chịu sự quản lý của một cơ quan quản lý nhà nước.

2. Trường hợp một cơ sở vừa chịu sự quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn vừa chịu sự quản lý của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn thì Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chịu trách nhiệm quản lý.

#### Điều 4. Trách nhiệm quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

1. Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phân công cho các đơn vị trực thuộc quản lý nhà nước về vật tư nông nghiệp và ATTP nông, lâm, thủy sản thuộc trách nhiệm quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

2. Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Chỉ đạo liên ngành ATTP tỉnh triển khai thực hiện công tác đảm bảo ATTP thuộc phạm vi quản lý của ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trên địa bàn tỉnh.

3. Quản lý ATTP đối với sản xuất ban đầu nông, lâm, thủy sản, muối theo phân cấp của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

4. Chịu trách nhiệm quản lý ATTP trong suốt quá trình sản xuất, thu gom, giết mổ, sơ chế, chế biến, bảo quản, vận chuyển, xuất khẩu, kinh doanh đối với ngũ cốc, thịt; các sản phẩm từ thịt, thủy sản và sản phẩm thủy sản; rau, củ, quả và sản phẩm rau, củ, quả; trứng và các sản phẩm từ trứng, sữa tươi nguyên liệu; mật ong và các sản phẩm từ mật ong, muối ăn (bao gồm cả muối tăng cường vi chất dinh dưỡng) và các nông sản thực phẩm theo quy định tại phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT-BCT ngày 09/4/2014.

5. Thanh tra, kiểm tra sản phẩm và các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm theo phân cấp của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Ủy ban nhân dân tỉnh.

6. Tổ chức cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh các loại hình thực phẩm theo phân cấp của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Ủy ban nhân dân tỉnh.

7. Tổ chức cấp giấy xác nhận kiến thức về ATTP cho chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản.

8. Tổ chức thực hiện các chương trình giám sát ATTP, đánh giá nguy cơ và truy xuất nguyên nhân gây mất ATTP thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn theo quy định; tổ chức việc thu hồi và xử lý thực phẩm mất an toàn theo quy định của pháp luật.

9. Tổ chức tập huấn, hướng dẫn cơ quan quản lý thực hiện nhiệm vụ theo Thông tư số 51/2014/TT-BNNPTNT ngày 27/12/2014.

10. Quản lý hoạt động chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy về chất lượng, ATTP theo phân cấp của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

11. Tổ chức việc cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo thực phẩm theo phân cấp của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

12. Báo cáo định kỳ, đột xuất về công tác quản lý an toàn thực phẩm thuộc lĩnh vực được phân công quản lý.

#### **Điều 5. Trách nhiệm quản lý ATTP của Ủy ban nhân dân huyện, thành phố**

1. Ủy ban nhân dân huyện, thành phố chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh về ATTP trên phạm vi địa bàn quản lý.

2. Hằng năm, xây dựng Kế hoạch bảo đảm vệ sinh ATTP trên địa bàn huyện, thành phố; đồng thời chỉ đạo, hướng dẫn Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Thông tư số 51/2014/TT-BNNPTNT ngày 27/12/2014.

3. Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục, truyền thông, nâng cao nhận thức về ATTP, ý thức chấp hành pháp luật về quản lý ATTP, ý thức trách nhiệm của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đối với cộng đồng, ý thức của người tiêu dùng thực phẩm và trong việc thực hiện các nhiệm vụ thống kê, thanh tra, kiểm tra, giám sát ATTP của ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trên địa bàn quản lý.

4. Thanh kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật về ATTP trên địa bàn quản lý theo thẩm quyền.

5. Chỉ đạo Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn phối hợp với ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức thực hiện các cơ chế chính sách pháp luật trong giám sát ATTP nông, lâm, thủy sản trên địa bàn quản lý. Đồng thời giám sát công tác công khai trên phương tiện thông tin đại chúng địa phương danh sách các cơ sở sản xuất ban đầu nhỏ lẻ không chấp hành nội dung cam kết sản xuất thực phẩm an toàn.

6. Phê duyệt kế hoạch kiểm tra việc thực hiện nội dung đã cam kết của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn và cấp kinh phí thực hiện.

7. Báo cáo định kỳ, đột xuất (khi có yêu cầu) kết quả thực hiện về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (thông qua Chi cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản) theo quy định.

### **Điều 6. Trách nhiệm quản lý ATTP của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn**

1. Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân huyện, thành phố về ATTP trên phạm vi địa bàn.

2. Tổ chức tuyên truyền, giáo dục, truyền thông, nâng cao nhận thức về ATTP, ý thức chấp hành pháp luật về quản lý ATTP, ý thức trách nhiệm của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đối với cộng đồng, ý thức của người tiêu dùng thực phẩm theo kế hoạch của Ủy ban nhân dân cấp huyện, thành phố.

3. Thực hiện quản lý các cơ sở sản xuất ban đầu nhỏ lẻ theo Thông tư số 51/2014/TT-BNNPTNT ngày 27/12/2014, bao gồm các nhiệm vụ: Phổ biến, hướng dẫn về thực hành sản xuất thực phẩm an toàn và tổ chức cho các cơ sở thuộc địa bàn quản lý ký cam kết sản xuất thực phẩm an toàn; kiểm tra việc thực hiện nội dung đã cam kết của các cơ sở sản xuất ban đầu nhỏ lẻ.

4. Kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật về ATTP trên địa bàn quản lý theo thẩm quyền.

5. Phối hợp (khi có yêu cầu) với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong việc thực hiện các nhiệm vụ quản lý ATTP của ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trên địa bàn quản lý.

6. Thực hiện công tác công khai trên phương tiện thông tin đại chúng địa phương danh sách các cơ sở sản xuất ban đầu nhỏ lẻ không chấp hành nội dung cam kết sản xuất thực phẩm an toàn.

7. Báo cáo định kỳ, đột xuất (khi có yêu cầu) kết quả thực hiện về UBND huyện, thành phố (thông qua phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc phòng Kinh tế).

## **Chương III ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

### **Điều 7. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn, triển khai, kiểm tra, đôn đốc các đơn vị thực hiện Quy định này. Định kỳ (trước ngày 25 hàng

*Duy*

tháng) tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về tình hình thực hiện công tác quản lý ATTP thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn tỉnh.

2. Giao Sở Tài Chính tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí từ nguồn ngân sách hàng năm cho các đơn vị được phân cấp quản lý thực hiện theo quy định Nhà nước hiện hành.

3. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố có trách nhiệm tổ chức thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao theo Quy định này.

**Điều 8. Sửa đổi, bổ sung Quy định**

Trong quá trình triển khai thực hiện, trường hợp phát sinh khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị phản ánh bằng văn bản về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

*Handwritten mark*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



*Handwritten signature*  
**Lưu Xuân Vĩnh**



ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH NINH THUẬN

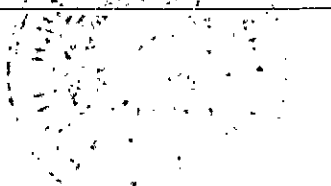
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc

**PHÂN CẤP QUẢN LÝ ATTP NÔNG LÂM THỦY SẢN THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA NGÀNH NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 20./2017/QĐ-UBND ngày 14/3/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận)

Công đoạn	Loại hình sản xuất, kinh doanh nông, lâm, thủy sản	Đơn vị quản lý
<b>I. Cơ sở sản xuất kinh doanh nông, lâm, thủy sản điều chỉnh bởi Thông tư 45/2014/TT-BNNPTNT</b>		
<b>1. Chuỗi thực phẩm nông, lâm, thủy sản</b>		
<b>Sản xuất ban đầu</b>	<p>Cơ sở sản xuất ban đầu (Cơ sở có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đầu tư), bao gồm:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Cơ sở trồng trọt.</li> <li>2. Cơ sở chăn nuôi.</li> <li>3. Cơ sở nuôi trồng thủy sản.</li> <li>4. Cơ sở sản xuất, khai thác muối.</li> <li>5. Cơ sở thu hái, đánh bắt khai thác nông, lâm, thủy sản nhỏ lẻ (tàu cá có công suất máy chính từ 90CV trở lên).</li> <li>6. Cơ sở đã được cấp giấy chứng nhận kinh tế trang trại.</li> <li>7. Cơ sở đã được cấp giấy chứng nhận thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP).</li> </ol>	<b>Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn</b>
<b>Thu mua, giết mổ, sơ chế, chế biến....</b>	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Sơ chế, chế biến độc lập thực phẩm nông sản có nguồn gốc thực vật.</li> <li>2. Giết mổ, sơ chế thực phẩm nông sản có nguồn gốc động vật (trừ sản phẩm thủy sản).</li> <li>3. Chế biến thực phẩm nông sản có nguồn gốc động vật (giò, chả, thịt hộp, hàng khô, hun khói, ướp muối...; trừ sản phẩm thủy sản).</li> <li>4. Các cảng cá.</li> <li>5. Thu mua, sơ chế, chế biến thực phẩm thủy sản (bao gồm cả tàu cá chế biến), kho lạnh độc lập.</li> </ol> <p>(Trừ cơ sở do cơ quan Trung ương thực hiện) *</p>	
<b>Lưu thông, tiêu thụ</b>	Chợ đầu mối, chợ đầu giá, cơ sở chuyên doanh, phương tiện vận chuyển độc lập	
<b>2. Muối ăn và muối tăng cường vi chất dinh dưỡng</b>		
<p>Sản xuất, sơ chế, chế biến, bao gói, tiêu thụ trong nước, xuất nhập khẩu đối với sản phẩm muối ăn và muối tăng cường vi chất dinh dưỡng</p> <p>(Trừ cơ sở do cơ quan trung ương thực hiện). *</p>		

*D2*

<p><b>3. Sản phẩm hỗn hợp, phối chế (thực vật, động vật, thủy sản), cơ sở sản xuất nước đá, sản phẩm khác thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ Công Thương theo Thông tư liên tịch số 13/2014/TT-BYT-BNNPTNT-BCT.</b></p>		
<p>Sơ chế, chế biến, kho lạnh bảo quản nông lâm thủy sản, cơ sở sản xuất vật liệu bao gói gắn liền với cơ sở sản xuất nông lâm thủy sản, lưu thông, tiêu thụ, xuất nhập khẩu; nước đá dùng cho bảo quản, chế biến nông lâm thủy sản.</p> <p>(Trừ cơ sở do cơ quan trung ương thực hiện).*</p>		
<p><b>II. Các cơ sở sản xuất ban đầu nhỏ lẻ điều chỉnh bởi Thông tư 51/2014/TT-BNNPTNT</b></p>		
<p><b>Sản xuất ban đầu</b></p>	<p>Cơ sở sản xuất ban đầu nhỏ lẻ (Cơ sở không có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đầu tư) bao gồm:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Cơ sở trồng trọt nhỏ lẻ.</li> <li>2. Cơ sở chăn nuôi nhỏ lẻ.</li> <li>3. Cơ sở nuôi trồng thủy sản nhỏ lẻ.</li> <li>4. Cơ sở sản xuất, khai thác muối nhỏ lẻ.</li> <li>5. Cơ sở thu hái, đánh bắt khai thác nông, lâm, thủy sản nhỏ lẻ (tàu cá lắp máy có tổng công suất máy chính &lt;90CV).</li> </ol> <p><b>Trừ các trường hợp sau:</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>a) Cơ sở đã được cấp giấy chứng nhận kinh tế trang trại;</li> <li>b) Cơ sở đã được cấp giấy chứng nhận thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP);</li> <li>c) Tàu cá lắp máy có tổng công suất máy chính từ 90CV trở lên.</li> </ol>	<p><b>UBND huyện, thành phố:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phê duyệt kế hoạch kiểm tra việc thực hiện nội dung đã cam kết của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn và cấp kinh phí thực hiện;</li> <li>- Chỉ đạo, hướng dẫn Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Thông tư số 51/2014/TT-BNNPTNT.</li> </ul> <p><b>UBND xã, phường, thị trấn:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phổ biến, hướng dẫn về thực hành sản xuất thực phẩm an toàn;</li> <li>- Tổ chức ký cam kết sản xuất thực phẩm an toàn;</li> <li>- Kiểm tra việc thực hiện nội dung đã cam kết và xử lý vi phạm.</li> </ul>

**Ghi chú (\*):** Cơ sở do Trung ương thực hiện là cơ sở có sản phẩm xuất khẩu trong trường hợp có yêu cầu của nước nhập khẩu về kiểm tra, chứng nhận ATTP bởi cơ quan có thẩm quyền Việt Nam.

*h*